

# KHUYẾN KHÍCH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO ĐỂ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM NHANH CÓ UY TÍN QUỐC TẾ

GS. TSKH. PHẠM SỸ TIẾN\*

**L**iên kết đào tạo (LKĐT) phát triển mạnh mẽ là phù hợp với xu hướng toàn cầu hóa trong giáo dục - đào tạo (GD-ĐT), đồng thời đáp ứng yêu cầu của người học. Bài báo này trình bày về các chương trình LKĐT với một số bình luận, có thể giúp người học có lựa chọn đúng đắn khi tham gia các chương trình đó. Để khuyến khích LKĐT phát triển mạnh, đúng hướng, có hiệu quả, nên giải quyết vấn đề về nhận thức và điều chỉnh một số quy định cho phù hợp.

## 1. Sự hình thành LKĐT

Những năm đầu thập kỉ 90 thế kỉ trước đã xuất hiện nhiều chương trình đào tạo (ĐT) của các nước và tổ chức quốc tế hỗ trợ cho Việt Nam như: chương trình ĐT của Tổ chức SIDA (Thụy Điển), CIDA (Canada), JICA (Nhật Bản), ODA (Vương quốc Anh), UNDP, Ngân hàng thế giới, Quỹ Ford và Quỹ Fullbright (Hoa Kỳ), Quỹ Hanns Seidel (Đức), Chương trình kinh tế phát triển Việt Nam - Hà Lan, Chương trình quản lí Việt - Pháp... Các chương trình này được triển khai dưới dạng dự án và chủ yếu ĐT, bồi dưỡng về kinh tế thị trường hay ĐT thạc sĩ về kinh tế, quản lí kinh tế, quản lí công, quản trị kinh doanh. Một số ít chương trình ĐT về kĩ thuật, công nghệ như chương trình Việt - Bỉ về Cơ học trong xây dựng, chương trình Việt Nam - Hà Lan về Khoa học vật liệu,...

Các chương trình nói trên đã ĐT cho nhiều cơ sở giáo dục đại học (CSGDĐH) Việt Nam đội ngũ giảng viên có khả năng đảm nhận dần chương trình ĐT khi các dự án kết thúc.

ĐT nhân lực trình độ cao phục vụ hội nhập quốc tế trở thành yêu cầu cấp bách, Đảng và Nhà nước đã kịp thời chỉ đạo công tác này. Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) năm 1996 và Luật GD năm 1998 đều nhấn mạnh: *khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho người Việt Nam ở nước ngoài, các tổ chức và cá nhân nước ngoài có thể vào Việt Nam mở các trung tâm ĐT quốc tế, tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi kinh nghiệm, giúp đỡ tài chính theo quy định của Nhà nước* (1).

Trên cơ sở pháp lí đó, LKĐT đã phát triển nhanh chóng. Đặc biệt, năm 2000, Chính phủ cho phép triển khai Đề án ĐT cán bộ tại các cơ sở nước ngoài (thường gọi là Đề án 322) là chương trình đầu tiên trong lịch sử GD Việt Nam thực hiện ĐT nhân lực tại nước ngoài với quy mô lớn và sử dụng nguồn tài chính của Việt Nam. Đề án 322 có một hợp phần quan trọng là ĐT theo hình thức phối hợp (thực chất là LKĐT), trong đó có một phần thời gian ĐT tại Việt Nam. Đến hết năm 2010, Bộ GD-ĐT đã phê duyệt 25 chương trình phối hợp ĐT tiến sĩ (2), ngoài ra còn có khoảng 10 chương trình phối hợp ĐT thạc sĩ, 2 chương trình phối hợp ĐT trình độ ĐH.

Đồng thời với việc triển khai các chương trình LKĐT do Đề án 322 quản lí, nhiều CSGDĐH Việt Nam thụ hưởng các dự án nêu trên và các CSGD có kinh nghiệm trong hợp tác quốc tế đã liên kết với các đối tác nước ngoài triển khai nhiều chương trình LKĐT ngày càng đa dạng. Đến đầu tháng 3/2013, Bộ GD-ĐT đã phê duyệt 233 chương trình LKĐT (3). Ngoài ra, các ĐH quốc gia và ĐH vùng đã cấp phép khoảng 140 chương trình LKĐT (chưa kể tới một số CSGDĐH và cơ quan không có chức năng GDĐH cũng triển khai chương trình LKĐT).

LKĐT đã trở thành một thành phần của GDĐH. Nhiều CSGDĐH đã thành lập Khoa hay Trung tâm GD quốc tế tương đồng về cơ cấu tổ chức của nhiều trường ĐH trên thế giới. Tại Bộ GD-ĐT, Cục ĐT với nước ngoài (với tên gọi giao dịch quốc tế là: GD quốc tế Việt Nam - Vietnam International Education Development) được thành lập năm 2008 là phù hợp xu hướng toàn cầu hóa trong GD-ĐT.

## 2. Tìm hiểu các loại chương trình LKĐT

Có thể hiểu LKĐT theo nghĩa rộng, đó là tất cả các hình thức hợp tác mà phía nước ngoài không cần thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam; hai phía đối tác cùng cung cấp một chương

\* Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội

trình ĐT có thể là chương trình hoàn toàn của nước ngoài, hoặc chương trình do hai bên cùng xây dựng; hai bên thống nhất phân bổ thời gian ĐT tại Việt Nam và thời gian ở nước ngoài, văn bằng do phía nước ngoài hoặc hai phía cùng cấp.

Với định nghĩa đó, các chương trình tiên tiến do Bộ GD-ĐT triển khai tại các trường ĐH trọng điểm (xem thêm (4)) và chương trình ĐT của các ĐH do nước ngoài đầu tư 100% như ĐH RMIT, ĐH Việt Nam - Anh Quốc hoặc các ĐH Việt Nam được sự hỗ trợ của nước ngoài như ĐH Việt - Đức, ĐH Khoa học và Công nghệ Việt - Pháp không thuộc chương trình LKĐT, sẽ không tìm hiểu ở đây.

Các chương trình LKĐT có thể phân theo hai nhóm:

**1) LKĐT có sự hỗ trợ của Nhà nước hay tổ chức nước ngoài.** Nhóm này bao gồm:

\* Các chương trình ĐT sau khi các dự án hỗ trợ của nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế kết thúc, hiện tại các chương trình ĐT kinh tế phát triển Việt Nam - Hà Lan, chương trình thạc sĩ quản lý Việt - Pháp, chương trình Fullbright ĐT thạc sĩ kinh tế và quản lý công... vẫn tiếp tục triển khai tại Trường ĐH Kinh tế quốc dân và Trường ĐH Kinh tế TP Hồ Chí Minh, nhưng chủ yếu do giảng viên Việt Nam đảm nhiệm, một số giảng viên nước ngoài tiếp tục hỗ trợ giảng dạy, nhưng sự hỗ trợ của nước ngoài còn rất ít. Tuy nhiên, chất lượng ĐT của các chương trình này vẫn đảm bảo tốt.

\* Các chương trình LKĐT dưới sự quản lý của Đề án 322 (nay thuộc Cục ĐT với nước ngoài) và của Đề án ĐT giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường ĐH, CĐ giai đoạn 2010-2020 (có tên gọi là Đề án 911):

Đặc điểm của các chương trình LKĐT do Đề án 322 quản lý là: - Được Bộ GD-ĐT xét duyệt rất chặt chẽ, CSGDĐH nước ngoài được chọn lọc cẩn thận, đều có chất lượng ĐT tốt như: ĐH Osaka và Viện Khoa học và Công nghệ (KH-CN) tiên tiến - JAIST (Nhật Bản), TU Delf và ĐH Amsterdam (Hà Lan), ĐH Liège (Bỉ), ĐH Paris Sud 11 (Pháp), TU Dresden và ĐH Greifswald (Đức), Viện KH-CN Gwangju (GIST - Hàn Quốc), ĐH Công nghệ Sydney (Úc)... Vì thế, chất lượng ĐT không khác so với ĐT toàn thời gian ở nước ngoài; - LKĐT tập trung vào các ngành kĩ thuật, công nghệ, khoa học cơ bản, công nghệ thông tin, khoa học vật liệu, nông nghiệp, môi trường (không có chương trình LKĐT trong khuôn khổ Đề án 322 về quản trị kinh doanh, ngân hàng, tài chính, kế toán); - Hỗ trợ tài chính của Nhà

nước bao gồm cấp sinh hoạt phí cho SV khi học tại Việt Nam và tại nước ngoài, thanh toán học phí và vé máy bay đi - về cùng bảo hiểm y tế. Vì được Nhà nước cấp học bổng nên SV được tuyển chọn với các tiêu chí khá cao.

Trong thực tế triển khai các chương trình LKĐT dưới sự quản lý của Đề án 322 thì LKĐT tiến sĩ thường ĐT tại Việt Nam từ 1-2 năm, thời gian ĐT ở nước ngoài đảm bảo đủ để nghiên cứu sinh (NCS) hoàn thành luận án (thông thường tổng thời gian ĐT tiến sĩ là 4 năm). Trong đó, chương trình LKĐT giữa Viện Công nghệ Sinh học thuộc Viện Hàn Lâm KH-CN Việt Nam với Trường ĐH Greifswald (một ĐH có truyền thống 500 năm của Đức) ĐT được khoảng 60 tiến sĩ, chiếm số lượng lớn nhất. Các chương trình LKĐT khác, mỗi chương trình ĐT được 5-10 tiến sĩ. LKĐT tiến sĩ đều sử dụng tiếng Anh là thuận lợi cho người học, dù học tập tại Đức hay Pháp, Nhật Bản, Hàn Quốc. Những người hoàn thành chương trình LKĐT đều nhận bằng tiến sĩ của nước ngoài, đã và đang phát huy khả năng khoa học và kiến thức của họ tại Việt Nam. Tuy nhiên LKĐT tiến sĩ ở một số chương trình cũng gặp khó khăn vì người hướng dẫn phía Việt Nam chưa đáp ứng.

LKĐT thạc sĩ, tuy số lượng ít hơn LKĐT tiến sĩ nhưng hiệu quả rõ ràng hơn. Với 1 năm học tập tại Việt Nam và 1 năm tại nước ngoài, nhiều học viên hoàn thành được chương trình ĐT, và phần lớn được chuyển lên làm luận án tiến sĩ. Trong số các LKĐT thạc sĩ, chương trình LKĐT giữa Viện Toán học (thuộc Viện Hàn lâm KH-CN Việt Nam) và Trường ĐH sư phạm Hà Nội thực hiện hiệu quả nhất. Sau 01 năm học tập tại Việt Nam, hầu hết học viên được các trường ĐH ở Đức, Pháp, Hoa Kỳ nhận ĐT tiếp năm thứ 2 miễn học phí, không ít học viên được chuyển lên học tập, nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ.

LKĐT trình độ ĐH mới giới hạn thí điểm giữa một số CSGDĐH Việt Nam với các đối tác ở Liên bang Nga.

Trong thời gian tới, LKĐT tiến sĩ sẽ được thực hiện theo Đề án 911 và LKĐT thạc sĩ sẽ được thực hiện ở Đề án tiếp nối Đề án 322 đã được Chính phủ phê duyệt tháng 4/2013. Đó là nguồn học bổng đáng lưu ý cho những người muốn học tập, nghiên cứu ở trình độ thạc sĩ và tiến sĩ mà không muốn thời gian ở nước ngoài quá dài.

**2) LKĐT dựa trên nguồn tài chính do người học đóng góp.** Các chương trình LKĐT dựa vào sự hỗ trợ tài chính của Nhà nước, dù sao cũng bị

khống chế về số lượng. Với sự năng động của các CSGDĐH bao gồm cả công lập và ngoài công lập, các chương trình LKĐT mà người học phải đóng học phí (gọi tắt là chương trình LKĐT tự phí) đã tăng nhanh với số lượng khoảng 400 chương trình như đã nêu ở trên.

Thời gian vừa qua, LKĐT tự phí của một số CSGD triển khai không đúng quy định nhưng Bộ GD-ĐT đã uốn nắn, chấn chỉnh. Hiện tại, các chương trình LKĐT chính thức phải là chương trình được Bộ GD-ĐT phê duyệt. Trường hợp các chương trình LKĐT do các ĐH Quốc gia hoặc ĐH vùng phê duyệt thì phải tuân thủ đúng yêu cầu của Bộ GD-ĐT (người học nên lưu ý điều này và tự chịu trách nhiệm). Vì thế, LKĐT tự phí sẽ phát triển mạnh, đúng hướng và đúng quy định.

Rất ít chương trình LKĐT tiến sĩ tự phí. Xin lưu ý rằng, nếu một CDGSĐH Hoa Kỳ liên kết với CSGDĐH Việt Nam ĐT tiến sĩ thì nên cảnh giác, vì hầu như chỉ các trường ĐH Hoa Kỳ không có thứ hạng mới không thực hiện quy định thông thường của Hoa Kỳ để đến Việt Nam LKĐT tiến sĩ.

Khác với các chương trình LKĐT do Đề án 322 quản lý, LKĐT thạc sĩ và trình độ ĐH tự phí có thể ĐT toàn thời gian tại Việt Nam (còn gọi là *du học tại chỗ*). Lúc này phải có sự tham gia giảng dạy của giảng viên nước ngoài đáp ứng đầy đủ yêu cầu về văn bằng, kinh nghiệm giảng dạy; trình độ ngoại ngữ đối với người học cần đúng quy định của Bộ GD-ĐT. Có thể nhận định rằng: chương trình LKĐT tự phí có phần thời gian thích hợp ĐT tại CSGD nước ngoài (*du học bán phần*) đảm bảo chất lượng ĐT hơn du học tại chỗ. Cũng cần lưu ý trường hợp nhượng quyền (franchise) tức là phía nước ngoài bán quyền sử dụng chương trình ĐT và cho phép CSGD Việt Nam cấp văn bằng của họ. Khi tham gia học chương trình chuyển nhượng cần nghiên cứu kỹ xem CSGDĐH nước ngoài có uy tín thực sự không (người học cần nghiên cứu các tài liệu quốc tế, không nên chỉ xem tài liệu tự giới thiệu của phía nước ngoài), CSGDĐH Việt Nam không nên nhận chuyển nhượng từ một Tổ chức hoạt động đa lĩnh vực, không thuần túy làm nhiệm vụ GDĐH.

### 3. Làm gì để khuyến khích LKĐT

#### 1) LKĐT phát triển nhanh vì có những ưu điểm

**sau:** - Đáp ứng được nhu cầu học tập và nghiên cứu của một bộ phận không nhỏ người học. Ngoại trừ một số trường hợp LKĐT với cơ sở nước ngoài không có chức năng GDĐH hoặc chưa được kiểm định một

cách nghiêm túc, phần lớn chương trình LKĐT đảm bảo chất lượng, trang bị cho người học kỹ năng cần thiết và khả năng ngoại ngữ phù hợp môi trường làm việc quốc tế, giúp người học có khả năng cạnh tranh cao trong tìm kiếm việc làm, nhất là ở khu vực liên doanh với nước ngoài. Vì thế, LKĐT đã thu hút được nhiều SV, học viên; - *Rút ngắn thời gian học tập tại nước ngoài, tiết kiệm chi phí* vì chi phí ở các chương trình LKĐT thấp nhiều so với học tập toàn thời gian ở nước ngoài, giảm chảy ngoại tệ ra nước ngoài cho đất nước; - *Có tác động tích cực đến CSGDĐH Việt Nam*, thúc đẩy CSGDĐH Việt Nam cải tiến và nâng cao chất lượng GD, các giảng viên và người quản lý Việt Nam có điều kiện tiếp cận các chương trình ĐT tiên tiến và phương pháp giảng dạy tích cực, phương pháp quản lý, kiểm tra, đánh giá đa dạng, hiệu quả; hoạt động hợp tác quốc tế phát triển mạnh hơn, GDĐH Việt Nam nhanh vươn lên đạt chuẩn quốc tế.

**2) Nhưng đồng thời, LKĐT cũng bộc lộ một số nhược điểm:** - Kể cả LKĐT được hỗ trợ của Nhà nước và LKĐT tự phí đều *gặp khó khăn ở đối tượng tuyển sinh*. LKĐT được hỗ trợ kinh phí bị hạn chế ở đối tượng tuyển sinh chỉ bao gồm những người làm việc ở khu vực Nhà nước. Tuy hiện nay đã mở rộng đối tượng tuyển sinh cho giảng viên các trường ĐH, cao đẳng ngoài công lập, song nhiều doanh nghiệp Nhà nước đã cổ phần hóa, khu vực Nhà nước giảm mạnh, nhiều người mới trước đây không lâu thuộc diện được cấp học bổng thì nay không còn thuộc đối tượng tuyển sinh nữa. LKĐT trình độ ĐH dạng tự phí bị hạn chế ở quy định đối tượng tuyển sinh phải đạt điểm sàn trong kì thi ĐH "ba chung" ở Việt Nam; - Đối với LKĐT được sự hỗ trợ kinh phí của Nhà nước, vấn đề tài chính còn nhiều thủ tục chưa phù hợp. *Với LKĐT tự phí, vấn đề tài chính bị gò bó trong quy định về học phí*; - *Yêu cầu về ngoại ngữ hơi cứng nhắc* khiến cho tuyển sinh bị hạn chế. Về cơ bản, yêu cầu ngoại ngữ đối với người học chương trình LKĐT là đúng, nhưng các trường hợp đặc biệt như LKĐT sử dụng các ngoại ngữ còn ít được giảng dạy ở bậc dưới như tiếng Pháp, tiếng Đức và chương trình LKĐT bán phần chưa được xem xét thấu đáo.

#### 3) Hỗ trợ cho LKĐT phát triển bằng cách nào?

Nhằm phát huy ưu điểm và hạn chế nhược điểm của LKĐT, cần giải quyết các vấn đề sau: - *Thực sự nhận thức LKĐT là phù hợp* xu hướng toàn cầu hóa, hỗ trợ phát triển LKĐT là đúng chủ trương xã hội hóa GD-ĐT của Đảng và Nhà nước, do đó cần tăng cường hỗ

trợ cho LKĐT ngày càng phát triển; - *Thông tin rộng* để các CSGDĐH (bao gồm cả các trường ngoài công lập) xây dựng dự án LKĐT được hỗ trợ kinh phí của Nhà nước. Nên áp dụng cơ chế cạnh tranh về năng lực và tính cần thiết của ngành ĐT trong xét tuyển dự án LKĐT có sự hỗ trợ tài chính của Nhà nước. Vì số lượng nghiên cứu sinh thường ít và phương hướng nghiên cứu khác nhau, nên có thể mềm dẻo trong LKĐT tiến sĩ, cho phép một CSGDĐH Việt Nam đồng thời LKĐT tiến sĩ với một số CSGD nước ngoài; - Trong quản lý tài chính đối với các chương trình LKĐT do Nhà nước quản lý, có thể trao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm cho CSGDĐH, thực hiện hậu kiểm chặt chẽ. *Vấn đề tài chính của LKĐT tự phí do chính người học quyết định*, người học sẽ quyết định đúng đắn và chịu trách nhiệm với quyết định của mình trong môi trường có nhiều lựa chọn; - *Thông tin chi tiết* về các đặc điểm và tình hình thực hiện các chương trình LKĐT tự phí đã được Bộ GD-ĐT hoặc các ĐH Quốc gia, ĐH Vùng phê duyệt để xã hội theo dõi, đánh giá, lựa chọn; - *Tăng cường thanh tra, kiểm tra* để loại bỏ các LKĐT không đúng quy định, nhưng đồng thời sửa đổi các quyết định, quy định không phù hợp. Trước năm 2013, khi các cơ sở pháp lý đối với LKĐT chưa đầy đủ, quy định đối tượng tuyển sinh LKĐT trình độ ĐH dạng tự phí phải đạt điểm sàn trong kì thi tuyển sinh ĐH ở Việt Nam là có thể chấp nhận được. Khi Nghị định số 73/2012/NĐ-CP quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực GD có hiệu lực thì cần tuân thủ đúng cơ sở pháp lý cao nhất này. Điều 13, khoản 2 Nghị định số 73/2012/NĐ-CP ngày 26/9/2012 của Chính phủ quy định: "*trường hợp CSGD nước ngoài cấp văn bằng thì phải tuân thủ quy định về điều kiện tiếp nhận vào học các trình độ trung cấp, cao đẳng, ĐH, thạc sĩ và tiến sĩ của CSGD nước ngoài. Các điều kiện này phải tương ứng với điều kiện tiếp nhận của CSGD nước ngoài quy định tại nước sở tại và được Bộ GD-ĐT hoặc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chấp thuận*". Tuyệt đối tránh sự chấp thuận của các bộ liên quan trái với quy định của CSGDĐH nước ngoài.

Tóm lại, LKĐT trở thành một bộ phận của GDĐH Việt Nam là điều rất đáng mừng. Cơ quan quản lý hỗ trợ đúng mức bằng các chủ trương chính sách phù hợp nhằm thúc đẩy LKĐT tiếp tục phát triển, có thể là một trong các giải pháp đưa GDĐH Việt Nam nhanh chóng vươn lên đạt chuẩn mực của các CSGDĐH có uy tín trên thế giới. □

- (1) Đảng Cộng sản Việt Nam. **Nghị quyết Trung ương 2** (khoá VIII). NXB *Chính trị quốc gia*, H.1996.
- (2) Báo cáo tổng kết đề án đào tạo cán bộ tại các cơ sở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước giai đoạn 2000-2010 (Cục Đào tạo với nước ngoài, 12/2011).
- (3) Danh mục các chương trình liên kết đào tạo đã được Bộ GD-ĐT phê duyệt (đến 3/2013). [http://vied.vn/vn/content/thongbao/thongbaochung/danh-muc-cac-chuong-trinh-lien-ket-dao-tao-da-duoc-bo-gddt-phe-duyet\\_28598.aspx](http://vied.vn/vn/content/thongbao/thongbaochung/danh-muc-cac-chuong-trinh-lien-ket-dao-tao-da-duoc-bo-gddt-phe-duyet_28598.aspx)
- (4) Chương trình tiên tiến không phải là liên kết đào tạo! <http://tuoitre.vn/Giao-duc/114418/Chuong-trinh-tien-tien-khong-phai-la-lien-ket-dao-tao.html> 20/12/2005

#### SUMMARY

*Associated training developed fast is consistent with trends of globalization in education and training, and meet the demand of students. This paper presents the kinds of associated training programs with some comments that can help people choosing right when participating in these programs. To promote associated training continues to grow strongly in the right direction, effectively should solve problems in awareness and adjust some of regulations.*

## THỂ LỆ VIẾT VÀ GỬI BÀI

### 1. Nội dung bài viết thuộc các lĩnh vực:

- Quản lý giáo dục;
- Tâm lý học - sinh lý học lứa tuổi;
- Lí luận giáo dục;
- Lí luận dạy học;
- Giáo dục nước ngoài; v.v...

### 2. Bài viết:

- Mỗi bài viết không quá 6 trang, khổ A4; phông chữ Times New Roman (Unicode), cỡ chữ 14.
- Tên bài báo và tóm tắt nội dung bài báo trình bày bằng 2 thứ tiếng: tiếng Việt và tiếng Anh.
- Tác giả gửi bản in bài viết và tập tin bài viết đến Toà soạn (theo địa chỉ Ban biên tập ghi trên *trang mục lục* của Tạp chí).
- Chú thích trong bài đánh số theo thứ tự xuất hiện - Tài liệu tham khảo và chú thích ghi ở cuối bài (trình tự: tên tác giả - tên sách/bài báo/văn bản pháp quy - nhà xuất bản - nơi và năm xuất bản).
- Toà soạn không trả lại bài viết nếu không được đăng

3. Để tiện liên hệ, tác giả cần ghi rõ địa chỉ công tác, số điện thoại, email vào cuối bài.

TẠP CHÍ GIÁO DỤC